

REFORMING VIETNAM'S EARLY CHILDHOOD EDUCATION CURRICULUM TOWARDS HOLISTIC, EQUITABLE, AND INCLUSIVE DEVELOPMENT: INSIGHTS FROM AN 80-YEAR JOURNEY OF ESTABLISHMENT AND GROWTH

Vu Thi Ngoc Minh^{*1}, Nguyen Thi Thu Ha²,
Nguyen Thi Nga³, Nguyen Thi My Trinh⁴

* Corresponding author
Email: minhvt@vnies.edu.vn

² Email: hant@vnies.edu.vn

³ Email: ngant@vnies.edu.vn

^{1,2,3} The Vietnam National Institute

of Educational Sciences

101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

⁴ Email: mytrinhdhv@gmail.com

Nguyen Tat Thanh University

300A Nguyen Tat Thanh, Xom Chieu ward,
Ho Chi Minh, Vietnam

Received: 18/12/2025

Revised: 04/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Published: 25/7/2026

Abstract: This article analyzes the historical trajectory and reform of Vietnam's Early Childhood Education (ECE) Curriculum from 1945 to the present, addressing a research gap by providing a comprehensive analysis and cross-national comparisons of Vietnam's curriculum reforms with international standards. The study uses document analysis combined with a historical-comparative approach, drawing on national policy documents, official ECE curricula, and international frameworks from UNESCO, UNICEF, OECD, the World Bank, and relevant scholarly studies. Findings show that Vietnam's ECE curriculum has undergone significant transformations, shifting from the absence of a formal program—primarily focused on childcare—to the development of content-based curricula and reaching a milestone with the promulgation of the 2009 national framework curriculum, which emphasized a child-centered approach. Building on this trajectory, the paper proposes directions for post-2025 curriculum reform towards competency-based, equitable, and inclusive approaches aligned with international integration and offers policy implications to enhance the quality of ECE. The results provide valuable scientific references for policymakers, education administrators, and curriculum experts.

Keywords: *Early childhood education, education curriculum, holistic development, equity, inclusion.*

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON VIỆT NAM HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, CÔNG BẰNG VÀ HÒA NHẬP: NHÌN TỪ HÀNH TRÌNH 80 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Vũ Thị Ngọc Minh^{*1}, Nguyễn Thị Thu Hà²,
Nguyễn Thị Nga³, Nguyễn Thị Mỹ Trinh⁴

* Tác giả liên hệ
Email: minhvt@vnies.edu.vn

² Email: hant@vnies.edu.vn

³ Email: ngant@vnies.edu.vn

^{1,2,3} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

⁴ Email: mytrinhdhv@gmail.com

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

300A Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 18/12/2025

Chỉnh sửa xong: 04/5/2026

Chấp nhận đăng: 10/6/2026

Xuất bản: 25/7/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích tiến trình đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non Việt Nam từ năm 1945 đến nay, nhằm bổ sung khoảng trống nghiên cứu về thiếu vắng các phân tích tổng hợp về cải cách chương trình trước những thay đổi của yêu cầu mới. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu kết hợp tiếp cận lịch sử – so sánh, dựa trên hệ thống văn bản chính sách, các chương trình giáo dục mầm non chính thức, cùng với các tài liệu định hướng của UNESCO, UNICEF, OECD... và các nghiên cứu liên quan. Kết quả cho thấy, Chương trình Giáo dục mầm non Việt Nam đã trải qua quá trình chuyển đổi từ giai đoạn chưa có chương trình chính thức, chủ yếu tập trung chăm sóc - giữ trẻ, sang xây dựng chương trình mang tính nội dung và đạt bước ngoặt quan trọng với việc ban hành chương trình khung năm 2009 theo định hướng lấy trẻ làm trung tâm. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất đổi mới chương trình sau 2025 theo hướng tiếp cận năng lực, công bằng, hòa nhập và hội nhập quốc tế, đồng thời đưa ra gợi ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở tham chiếu khoa học cho các nhà hoạch định chính sách, quản lý giáo dục và chuyên gia phát triển chương trình.

Từ khóa: *Giáo dục mầm non, chương trình giáo dục, phát triển toàn diện, công bằng, hòa nhập.*

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục mầm non được xem như “bản thiết kế” định hướng toàn bộ hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ trong giai đoạn đầu đời. Theo UNESCO (2021), chương trình không chỉ bao gồm mục tiêu, nội dung và phương pháp mà còn phản ánh triết lý, giá trị và quan điểm phát triển trẻ toàn diện. OECD (2017) coi chương trình là công cụ bảo đảm công bằng giáo dục, nâng cao chất lượng học tập và kỹ năng xã hội; UNICEF (2023) nhấn mạnh vai trò trung tâm của quyền trẻ em; World Bank (2018) xác định đây là nền tảng để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDG 4.2), bảo đảm mọi trẻ được tiếp cận giáo dục có chất lượng.

Các nghiên cứu quốc tế (UNICEF, 2023; WHO, UNICEF, World Bank, 2018; UNESCO, 2021) khẳng định Chương trình Giáo dục mầm non cần bảo đảm phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, cảm xúc - xã hội và thẩm mỹ, đồng thời gắn kết chăm sóc, dinh dưỡng và học tập sớm. OECD (2017) nhấn mạnh rằng đầu tư vào giai đoạn này không chỉ cải thiện kết quả nhận thức mà còn tăng cường kỹ năng xã hội, hành vi tích cực và giảm rủi ro, thông qua chất lượng tương tác, môi trường giáo dục và cơ chế theo dõi - đánh giá. Kinh nghiệm từ Singapore (2022), New Zealand (2017) và Úc (2022) minh chứng rõ định hướng này.

Một vấn đề quan trọng trong chương trình là giáo dục hòa nhập. UNESCO (2019) và Hội nghị Giáo dục thế giới lần thứ 48 khẳng định đây là quá trình bảo đảm mọi trẻ được học tập trong môi trường chất lượng, tôn trọng sự đa dạng và xóa bỏ phân biệt đối xử. Hòa nhập được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ giới hạn ở việc hỗ trợ trẻ khuyết tật mà bao trùm sự đa dạng của tất cả trẻ em. Các nghiên cứu cũng chỉ ra tác động tích cực của sự phạm hòa nhập đối với trẻ khuyết tật, thúc đẩy tình bạn và sự chấp nhận xã hội (Cook, 2001; Yilmaz và Yeganeh, 2021). Những yếu tố ảnh hưởng quan trọng được xác định gồm: Kinh nghiệm và thái độ giáo viên (Avramidis và Kalyva, 2007; Hwang và Evans, 2011), đào tạo chuyên sâu và phát triển nghề nghiệp (Beacham và Rouse, 2012; Irvine và cộng sự, 2010). Như vậy, bản chất của giáo dục hòa nhập là “giáo dục cho tất cả”, gắn với sứ mệnh và giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tại Việt Nam, Chương trình Giáo dục mầm non phản ánh sự vận động theo bối cảnh lịch sử: từ chỗ chủ yếu tập trung “giữ trẻ, nuôi trẻ tập thể” đến việc khẳng định vị trí là cấp học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân (Phạm Thị Sửu và cộng sự, 2006; Vũ Thị Thảo, 2021). Các cải cách 1978, 1994 -1995 và

đặc biệt chương trình khung 2009 với định hướng lấy trẻ làm trung tâm cho thấy nỗ lực hội nhập quốc tế, bảo đảm mục tiêu giáo dục toàn diện, công bằng và hòa nhập (Nguyễn Ánh Tuyết, 2006).

Tuy nhiên, tiến trình cải cách Chương trình Giáo dục mầm non ở Việt Nam còn thiếu những phân tích hệ thống theo chiều dài lịch sử, đặc biệt về sự chuyển dịch quan điểm, cấu trúc và mức độ đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập trong bối cảnh mới sau năm 2025. Khoảng trống này đặt ra nhu cầu làm rõ các giai đoạn phát triển, những biến đổi cốt lõi và bài học kinh nghiệm nhằm định hướng đổi mới chương trình. Từ đó, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi: 1) Chương trình Giáo dục mầm non Việt Nam đã phát triển qua những giai đoạn nào từ 1945 đến nay? 2) Những chuyển biến chủ yếu về quan điểm, mục tiêu và cấu trúc chương trình là gì? 3) Bài học và định hướng đổi mới Chương trình sau năm 2025 là gì?

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tập trung vào các văn bản chính sách, chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành qua các thời kỳ và các nghiên cứu, báo cáo khoa học trong và ngoài nước liên quan đến xây dựng, đổi mới chương trình giáo dục mầm non, cũng như một số chương trình của các quốc gia tiên tiến gần đây.

Phạm vi tài liệu được xem xét từ năm 1945 đến nay, nhấn mạnh các chương trình chính thức ban hành vào những năm 1978, 1994 - 1995, 2009 và định hướng 2025. Các tài liệu được phân tích theo hướng lịch sử - so sánh và phân tích nội dung, gồm: Quan điểm xây dựng, đối tượng áp dụng, mục tiêu, nội dung, cách triển khai, ưu điểm và hạn chế. Từ đó, bài viết tổng hợp, rút ra bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho việc đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái lược lịch sử phát triển Giáo dục mầm non Việt Nam

Giáo dục mầm non Việt Nam có lịch sử hơn 80 năm, gắn với tiến trình xây dựng và phát triển đất nước. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh 146/SL (10/8/1946), thành lập bậc học Ấu trĩ dành cho trẻ dưới bảy tuổi (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995). Đây là dấu mốc khởi đầu đặt nền móng cho hệ thống giáo dục mầm non. Trong giai đoạn 1945-1954, dù chiến tranh, các lớp mẫu giáo và nhà trẻ kháng chiến vẫn được tổ chức, vừa giữ trẻ để phụ nữ tham gia lao

động, vừa bước đầu giáo dục tình yêu quê hương và tinh thần cách mạng (Phạm Thị Sửu và cộng sự, 2006).

Ở giai đoạn 1954-1975, giáo dục mầm non phát triển không đồng đều. Ở Miền Bắc, hệ thống quản lí, đào tạo giáo viên được hình thành; trường mẫu giáo và nhà trẻ mở rộng tại khu công nghiệp, nông trường, góp phần giải phóng sức lao động phụ nữ và xây dựng mô hình giáo dục xã hội chủ nghĩa (Vũ Thị Thảo, 2021). Trong khi đó, ở miền Nam, giáo dục mầm non chủ yếu do tư nhân, hội đoàn, tôn giáo tổ chức, phục vụ con em trung lưu và thượng lưu, chưa trở thành một chiến lược quốc gia (Nguyễn Ánh Tuyết, 2006). Sau thống nhất năm 1975, mô hình mẫu giáo công lập phát triển mạnh, đóng vai trò xã hội quan trọng. Luật Giáo dục 1998 lần đầu xác lập giáo dục mầm non là cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân, khẳng định vị trí pháp lí và chính trị của bậc học (Quốc hội, 1998).

Từ đầu thế kỉ XXI, giáo dục mầm non bước vào giai đoạn đổi mới toàn diện. Chương trình khung quốc gia 2009 nhấn mạnh quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm” và phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kĩ năng xã hội, thẩm mĩ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009). Đề án phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi (2010-2015) đưa Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia trong khu vực đạt mục tiêu trước năm 2015, góp phần thực hiện SDG 4.2 về tiếp cận giáo dục sớm có chất lượng (UNESCO, 2021; UNICEF, 2023). Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, giáo dục mầm non tiếp tục đổi mới theo hướng công bằng, hòa nhập, linh hoạt và phát triển bền vững.

3.2. Chương trình Giáo dục mầm non qua các thời kì từ 1945-2025

3.2.1. Giai đoạn hình thành ban đầu: Chưa có chương trình chính thức (1945 - 1977)

Bối cảnh: Ngay sau khi giành độc lập, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xác định giáo dục trẻ nhỏ là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia. Sắc lệnh 146/SL ngày 10 tháng 8 năm 1946 thành lập bậc học Giáo dục Ấu trĩ cho trẻ dưới bảy tuổi, đặt nền móng cho hệ thống giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995). Điều 3 của sắc lệnh ghi: “Bậc ấu trĩ nhận giáo dục trẻ con dưới 7 tuổi và sẽ tổ chức tùy theo điều kiện thuận tiện do Bộ Quốc gia Giáo dục ấn định sau” (UNESCO, 2006).

Triết lí và nội dung giáo dục: Ở thời kì này, một số lớp mẫu giáo thuộc quản lí nhà nước được mở ra để chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Nội dung giáo dục

còn mang đậm tính chất bảo mẫu, giáo viên chủ yếu thực hiện chức năng nuôi dưỡng và chăm sóc, chưa có chương trình giáo dục thống nhất (Vũ Thị Thảo, 2021). Tuy nhiên, tư tưởng giáo dục mầm non bước đầu được thể hiện qua quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với hình ảnh “Trẻ em như búp trên cành/Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan” (1941), nhấn mạnh sự phát triển hài hòa giữa nuôi dưỡng và giáo dục, coi trọng cả thể chất và việc hình thành những thói quen, hành vi nền tảng cho trẻ từ sớm. Năm 1947, Trại - Trường Mẫu giáo Ấm Thượng (Hà Hòa, Phú Thọ) được thành lập, tận dụng nguyên liệu địa phương để làm đồ dùng dạy học, đồng thời chú trọng các hoạt động vận động, múa hát và trò chơi ngoài trời. Những tài liệu đầu tiên như “Chương trình kiến thiết nền giáo dục” của Nguyễn Khắc Viện và Hoàng Xuân Nhị trong đó có đề cập đến phương pháp giáo dục trẻ em dưới 7 tuổi, cùng bản dịch “Sự phát triển trí tuệ của trẻ từ 2 đến 7 tuổi” của Alica Descoedruss đã trở thành cơ sở quan trọng, điểm tựa cho việc nuôi dạy trẻ.

Năm 1950, Chính phủ cải cách giáo dục, đổi “Giáo dục Ấu trĩ” thành “Giáo dục Mẫu giáo”. Ngày 04 tháng 7 năm 1950, Ban Mẫu giáo Trung ương trực thuộc Bộ Giáo dục được thành lập đảm nhiệm vai trò chính: 1) Nghiên cứu phương pháp, đặt chương trình, kế hoạch dạy trẻ từ 3 đến 6-7 tuổi, sửa soạn cho chúng biết đọc, biết viết để lên học các lớp trên được nhanh lợi; 2) Đào tạo cán bộ mẫu giáo, 3) Phổ biến tài liệu về cách nuôi dạy trẻ; 4) Giúp đỡ các địa phương mở lớp mẫu giáo và trại trẻ, đồng thời kiểm tra những cơ sở ấy về đường lối và phương pháp”. Tuy nhiên, đến giai đoạn 1954-1975, tài liệu và chương trình giáo dục trẻ vẫn còn sơ lược, chủ yếu dựa vào một số công trình như “Mẫu giáo” của Nguyễn Khánh Toàn, “Phương pháp giáo dục trẻ em” của Hoàng Xuân Nhị, “Dạy con - đức dục ở trường mẫu giáo” của Phạm Lợi. Các sách này đã cho thấy cách nhìn đúng đắn về trẻ em tuổi mẫu giáo và cách dạy trẻ phù hợp với lứa tuổi. Sách đề cao giáo dục hoạt động và coi đây là phương pháp giáo dục mới nhất, tiến bộ nhất và chỉ rõ “phải dựa trên sự phát triển của trẻ để giáo dục trẻ”. Muốn mở mang tâm trí của trẻ em trước hết phải để cho chúng có nhiều kinh nghiệm, chung sống nhiều với sự vật... Có thể nói, cuốn sách “*Phương pháp giáo dục trẻ em*” đã đem đến cho giáo dục mầm non Việt Nam từ những năm 1949-1950 một cơ sở lí luận về tâm lí học- giáo dục học trẻ em rất có giá trị.

Cuối năm 1951, khi chiến sự căng thẳng, Bộ Quốc gia Giáo dục tạm dừng mở rộng lớp mẫu giáo, tập

trung vào lớp vỡ lòng để xóa mù chữ và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; Chương trình vỡ lòng gồm thể dục, học vần, đọc, tính, vẽ, thủ công, hát múa và vệ sinh.

Năm học 1965-1966, Bộ Giáo dục ra chỉ thị số 40/CT-VL hợp nhất vỡ lòng vào hệ thống mẫu giáo, đồng thời tinh giản chương trình từ 12 môn (thời đó, hoạt động nào của Mẫu giáo cũng được gọi là môn học) xuống 6 môn, thậm chí 3 môn tại vùng khó khăn.

Có thể nói, mặc dù chưa có Chương trình Giáo dục mầm non thống nhất và toàn diện, giai đoạn này đã tạo nền tảng cho việc hợp nhất vỡ lòng và mẫu giáo, đồng thời khẳng định vai trò xã hội của giáo dục mầm non trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn.

3.2.2. Bước ngoặt năm 1978: Chương trình nuôi dạy trẻ nhà trẻ và “Chương trình mẫu giáo cải tiến”

Bối cảnh: Sau chiến tranh, phát triển giáo dục mầm non được xem như một giải pháp xã hội quan trọng nhằm hỗ trợ phụ nữ chăm sóc, giáo dục trẻ nhỏ, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ với hệ thống nhà trẻ và mẫu giáo bán trú công lập được xây dựng trên khắp cả nước. Theo đó “Chương trình nuôi dạy trẻ nhà trẻ” và “Chương trình mẫu giáo cải tiến” được ban hành theo Quyết định số 102/QĐ ngày 31 tháng 01 năm 1978. Tuy nhiên, giáo dục mầm non chủ yếu mang tính bao cấp, Nhà nước trực tiếp tổ chức và quản lý. Tuy số lượng cơ sở tăng nhanh nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế và hệ thống quản lý phân tách khi Bộ Giáo dục phụ trách mẫu giáo, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em phụ trách nhà trẻ.

Quan điểm xây dựng chương trình xuất phát từ quan điểm giáo dục xã hội chủ nghĩa coi con người mới xã hội chủ nghĩa là mục tiêu và động lực của sự nghiệp cách mạng. Dựa trên các thành tựu khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi và kinh nghiệm nuôi dạy trẻ ở các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Đông Âu; nhấn mạnh sự thống nhất giữa nuôi dưỡng - chăm sóc - giáo dục trong sự phát triển toàn diện của trẻ. (Phạm Thị Sửu và cộng sự, 2006).

“Chương trình nuôi dạy trẻ nhà trẻ” dành cho trẻ từ 3 tháng đến 3 tuổi chia theo nhóm tuổi nhà trẻ bé, nhà trẻ nhỏ, nhà trẻ lớn. “Chương trình mẫu giáo cải tiến” dành cho trẻ 3-6 tuổi, chia theo lớp mẫu giáo bé, nhỏ và lớn.

Mục tiêu “Chương trình nuôi dạy trẻ nhà trẻ” là đảm bảo nuôi dưỡng trẻ khỏe mạnh, vệ sinh, hình thành những nề nếp ban đầu; phát triển ngôn ngữ,

vận động và các cảm xúc, tình cảm tích cực. Mục tiêu “Chương trình mẫu giáo cải tiến” là phát triển toàn diện các mặt thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những phẩm chất nhân cách ban đầu.

Nội dung chính của “Chương trình nuôi dạy trẻ nhà trẻ” quy định cụ thể chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ và tập trung vào các thao tác chăm sóc, vệ sinh, dinh dưỡng, rèn nề nếp, phát triển giác quan, vận động, lời nói và quản lý chặt chẽ thời gian và công việc của giáo viên theo dây chuyền. Nội dung chính của “Chương trình mẫu giáo cải tiến” giảm từ 12 xuống 6 môn học được cấu trúc theo hai phương thức đặc trưng: Giáo dục (truyền thụ kiến thức, kỹ năng phù hợp với lứa tuổi); Giáo dục hình thành nhân cách, phát triển tư duy, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và tổ chức thông qua hoạt động hằng ngày của trẻ: Vui chơi, học tập, lao động tự phục vụ, sinh hoạt tập thể.

Ưu điểm: Đây là chương trình đầu tiên nội dung giáo dục được cấu trúc theo hai phương thức: Giáo dục và giáo dục thông qua việc tổ chức các hoạt động hằng ngày cho trẻ. Hoạt động vui chơi lần đầu tiên được công nhận là hoạt động chủ đạo và có hiệu quả cao trong giáo dục trẻ, khắc phục tình trạng “phổ thông hóa” giáo dục mẫu giáo. Chương trình nuôi dạy trẻ nhà trẻ quy định chặt chẽ tuân thủ khung kế hoạch, chế độ sinh hoạt và lịch phân công công việc cụ thể theo mô hình quản lý dây chuyền, do đó đã quản lý chặt chẽ được giáo viên về mặt thời gian.

Hạn chế: Chương trình sớm bộc lộ hạn chế khi không đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; nội dung và phương pháp đã lạc hậu, thiếu yếu tố hình thành năng lực, kỹ năng sống, chậm cập nhật tiến bộ của tâm lý học, giáo dục học hiện đại. Nội dung vay mượn từ mô hình nước ngoài, nặng về kiến thức, ít chú trọng vui chơi và trải nghiệm của trẻ. Giáo viên phải tuân thủ kế hoạch cứng nhắc, khó điều chỉnh theo đối tượng, vùng miền. Ở nhà trẻ, phương pháp thiên về quản lý, kiểm soát theo dây chuyền; ở mẫu giáo, trẻ chủ yếu nghe, nhìn, trả lời theo yêu cầu, ít cơ hội được trải nghiệm, khám phá, tính tích cực của trẻ chưa được phát huy. Hoạt động vui chơi tuy được công nhận là quan trọng song chưa được triển khai phù hợp.

3.2.3. Tiến trình cải cách thập niên 1990: “Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ” (chỉnh lý) và “Chương trình chăm sóc - giáo dục mẫu giáo từ 3-6 tuổi”

Bối cảnh: Khi Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và Trẻ em

Trung ương sáp nhập với Ban Nghiên cứu cải cách mẫu giáo, Viện Nghiên cứu trẻ em trước tuổi học - cơ quan nòng cốt trong việc biên soạn và triển khai các chương trình được thành lập. Trên cơ sở nghiên cứu và thực nghiệm từ năm học 1989-1990 “Chương trình chăm sóc, giáo dục mẫu giáo từ 3-6 tuổi” và “Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ nhà trẻ chính lí” được thành lập theo Quyết định số 1362/QĐ-GD và ĐT ngày 31 tháng 5 năm 1994 và Quyết định số 1006/GD-ĐT ngày 24 tháng 3 năm 1995.

Mục tiêu của chương trình là phát triển toàn diện nhân cách trẻ em, chuẩn bị cho trẻ những kĩ năng cần thiết để bước vào bậc tiểu học. Cuối mỗi độ tuổi, chương trình quy định hai mức yêu cầu: Chuẩn và tối thiểu, nhằm bảo đảm tính khả thi trong các điều kiện giáo dục khác nhau. Nội dung giáo dục được tổ chức thông qua chế độ sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động phát triển theo lĩnh vực. Việc triển khai bám sát hệ thống bài soạn sẵn, trong đó giáo viên giữ vai trò trung tâm, chuẩn bị giáo án và đồ dùng trực quan để tổ chức các tiết học theo tiến trình từ dễ đến khó, từ gần đến xa (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995).

Nội dung và cấu trúc: Chương trình mẫu giáo cải cách chú trọng giáo dục toàn diện (đức, trí, thể, mỹ), đặt ra chuẩn đầu ra cho từng độ tuổi, gồm yêu cầu chuẩn và yêu cầu tối thiểu; được chia vào các bài soạn sẵn. Cấu trúc chương trình gồm hai phần chính: 1) Chế độ sinh hoạt chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, 2) Giáo dục phát triển theo các hoạt động vui chơi, học tập, lao động, lễ hội. Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ tập trung vào các lĩnh vực phát triển vận động, ngôn ngữ, hoạt động với đồ vật, giáo dục âm nhạc, thơ truyện cùng hệ thống trò chơi nhằm hỗ trợ giáo viên chú ý hơn đến giao tiếp, biểu lộ tình cảm, tạo điều kiện cho trẻ hoạt động với đồ vật (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995).

Về phương pháp, hình thức: Từ năm học 1998-1999, chương trình thay thế khái niệm “tiết học” bằng “hoạt động chung”, chuyển “hoạt động vui chơi” thành “hoạt động góc”, đồng thời xây dựng nội dung theo các chủ đề, chủ điểm gần gũi với trẻ. Sự thay đổi này thể hiện quan điểm tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ chủ động trong các hoạt động. Bên cạnh đó, chương trình bổ sung hướng dẫn cụ thể về nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ (Vũ Thị Thảo, 2021).

Ưu điểm: Chương trình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn đầu đổi mới, bước đầu tiếp cận quan điểm giáo dục hiện đại, tăng cường tính

tích hợp, phát huy tính chủ động của trẻ và quan tâm đến giáo dục hòa nhập, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ (Nguyễn Ánh Tuyết, 2006).

Hạn chế: Chương trình vẫn chịu ảnh hưởng của mô hình giáo dục Liên Xô và Đông Âu; hình thức “tiết học” giữ vai trò chủ đạo, giáo viên là trung tâm, trẻ tiếp thu thụ động, ít cơ hội sáng tạo. Sự tồn tại hai hệ thống riêng biệt gây thiếu thống nhất về nội dung và phương pháp. Các chương trình dành cho vùng khó khăn chủ yếu tập trung vào trẻ 5 tuổi, làm gián đoạn tính liên tục; việc sử dụng bài soạn sẵn cũng hạn chế tính linh hoạt và sáng tạo của giáo viên (Vũ Thị Thảo, 2021).

3.2.4. Bước ngoặt 2009: Chương trình Giáo dục mầm non khung cấp Quốc gia đầu tiên của Việt Nam

Bối cảnh: Năm 1998, Luật Giáo dục lần đầu tiên xác lập giáo dục mầm non là một cấp học chính thức trong hệ thống giáo dục quốc dân, có mục tiêu, chương trình và phương pháp riêng biệt (Quốc hội, 1998). Cùng với đó, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 1996) khẳng định vai trò của giáo dục mầm non trong chiến lược phát triển giáo dục quốc gia, nhấn mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia. Ở giai đoạn này, giáo dục mầm non không chỉ là nơi trông giữ mà trở thành môi trường giáo dục đầu tiên, góp phần công bằng giáo dục, hỗ trợ trẻ em vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và tạo điều kiện để phụ nữ tham gia lao động. Hệ thống trường lớp công lập và ngoài công lập phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu xã hội; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được luật hóa năm 2009.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục quốc dân, Chương trình Giáo dục mầm non được thiết kế theo hướng tích hợp, hợp nhất nhà trẻ và mẫu giáo thành một chương trình khung quốc gia. Sau giai đoạn thí điểm tại 20 tỉnh/thành phố (Quyết định số 5205/QĐ-BGDĐT, 2006), Chương trình được triển khai toàn quốc từ năm 2009 (Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT), mang lại những thay đổi tích cực, thể hiện bước chuyển quan trọng trong tiếp cận giáo dục trẻ, dựa trên các quan điểm hiện đại như tích hợp, hoạt động, lấy trẻ làm trung tâm. Đây cũng là chương trình đầu tiên mang tính chất là chương trình khung cấp quốc gia, có tính mở, linh hoạt theo điều kiện thực tiễn, phù hợp với từng lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo (Lê Thu Hương, 2006). Chương trình nhấn mạnh việc tổ chức hoạt động giáo dục dựa trên nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, đồng thời chú trọng

phát triển toàn diện các lĩnh vực: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kĩ năng xã hội và thẩm mĩ. Tuy nhiên, trước bối cảnh hội nhập và sự phát triển của khoa học - công nghệ, chương trình 2009 bộc lộ hạn chế về định hướng, phương pháp và đánh giá. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hai lần điều chỉnh, bổ sung vào năm 2016 (Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT) và 2020 (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT), phù hợp yêu cầu thực tiễn và định hướng đổi mới giáo dục của đất nước.

3.2.5. Định hướng đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non Việt Nam hướng đến phát triển toàn diện, công bằng, hòa nhập trong bối cảnh toàn cầu

Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục mầm non xuất phát từ nhiều bối cảnh trong nước và quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi giáo dục mầm non Việt Nam cần tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về chất lượng, công bằng và hòa nhập. Các khung định hướng toàn cầu của UNESCO, UNICEF, OECD và World Bank đều nhấn mạnh giáo dục mầm non là nền tảng để mọi trẻ em được tiếp cận giáo dục sớm có chất lượng, góp phần thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 4.2 (OECD, 2017; UNESCO, 2021; UNICEF, 2023; WHO, UNICEF và World Bank, 2018).

Trong nước, sau 15 năm thực hiện, Chương trình Giáo dục mầm non 2009 đạt nhiều thành tựu: Triển khai tại 100% cơ sở giáo dục với hơn 5,1 triệu trẻ theo học, 99,3% học 2 buổi/ngày (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Nghiên cứu cho thấy chương trình có cấu trúc linh hoạt, kết nối các độ tuổi, tiếp cận toàn diện và lấy trẻ làm trung tâm, phát huy phương châm “chơi mà học, học qua chơi” (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2022). Tuy nhiên, chương trình dân bộc lộ hạn chế: Một số nội dung còn nặng hàn lâm, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu trải nghiệm của trẻ; chênh lệch điều kiện vùng miền gây khó khăn triển khai đồng bộ (UNICEF, 2018; Nguyễn Ánh Tuyết, 2006; Vũ Thị Thảo, 2021; Nguyễn Hồng Thuận và Phan Thị Hương Giang, 2023). Ngoài ra, chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra yêu cầu tích hợp công nghệ, phát triển năng lực số, song cần bảo đảm phù hợp đặc điểm lứa tuổi và tính nhân văn (UNESCO, 2021; UNICEF, 2023).

Trước bối cảnh chuyển đổi đang diễn ra mạnh mẽ, Chương trình Giáo dục mầm non mới cần thể hiện sự chọn lọc và tiếp thu hợp lí các xu hướng quốc tế, đồng thời định hình những giá trị riêng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Mục tiêu của chương trình hướng tới năm 2030, tầm nhìn 2045 không chỉ

là chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào tiểu học mà còn góp phần hình thành phẩm chất, năng lực và các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam trong giai đoạn hội nhập. Một trong những định hướng trọng tâm là *tiếp cận năng lực gắn với phát triển tình cảm - xã hội*. Chương trình cần coi trẻ là chủ thể học tập tích cực, được khuyến khích khám phá và trải nghiệm, từ đó hình thành kĩ năng hợp tác, tư duy phản biện, khả năng tự điều chỉnh và ý thức cộng đồng. Cách tiếp cận này chú trọng đến sự phát triển toàn diện, không dừng ở việc truyền thụ kiến thức mà hướng đến khả năng vận dụng trong đời sống thực tiễn. Song song với đó, *tiếp cận dựa trên quyền trẻ em* phải được thể hiện xuyên suốt. Đây là quan điểm đặt trẻ làm trung tâm, bảo đảm mọi trẻ đều được học tập và phát triển trong môi trường công bằng, hòa nhập và an toàn. Chương trình cần đặc biệt quan tâm đến trẻ có nhu cầu đặc biệt, vấn đề bình đẳng giới và phát triển ngôn ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, đồng thời tạo nền tảng cho việc học ngôn ngữ thứ hai.

Một điểm quan trọng cần được tiếp tục phát huy đó là thiết kế chương trình theo hướng toàn diện, tích hợp nội dung, phương pháp giáo dục, các trải nghiệm học tập đa dạng cho trẻ em... Điều này sẽ giúp kết nối hài hòa các lĩnh vực phát triển, tạo cơ hội để trẻ học thông qua chơi, trải nghiệm, đồng thời bảo đảm sự linh hoạt để thích ứng với điều kiện đa dạng của cơ sở giáo dục và bối cảnh địa phương. Để đạt được kì vọng này, chương trình cần hướng nhiều hơn đến khía cạnh *trao quyền cho cơ sở giáo dục và giáo viên* bằng cách thiết kế theo hướng khung mở, tăng cường tính chủ động và linh hoạt, tạo điều kiện cho giáo viên sáng tạo và phát huy trách nhiệm nghề nghiệp. Như vậy, vấn đề chuẩn bị nguồn lực, trọng tâm là phát triển năng lực chuyên môn cho giáo viên phù hợp với chương trình mới là điều quan trọng. Bên cạnh đó, sự tham gia của gia đình và cộng đồng cần trở thành thành tố cấu thành của chương trình. Việc huy động nguồn lực xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng sẽ tạo nên môi trường giáo dục gần gũi, bền vững và giàu bản sắc.

Các định hướng điều chỉnh cách tiếp cận và nội dung cốt lõi của chương trình giáo dục mầm non mới vừa kế thừa thành tựu hiện hành, vừa tiếp thu tinh hoa quốc tế, nhằm xây dựng một chương trình hiện đại, công bằng, hòa nhập, đồng thời gắn kết với bản sắc văn hóa - xã hội Việt Nam.

4. Thảo luận

Tiến trình đổi mới Chương trình Giáo dục mầm

non Việt Nam quan các thời kì đã phản ánh sự chuyển đổi từ mô hình “nuôi - giữ trẻ” sang phát triển toàn diện, lấy trẻ làm trung tâm dựa trên tiếp cận quyền trẻ em, hướng tới công bằng và hòa nhập. Điều này phù hợp với xu hướng toàn cầu coi trọng giai đoạn đầu đời như nền tảng phát triển con người và gắn với mục tiêu phát triển bền vững (UNESCO, 2021; UNICEF, 2023). Việc ban hành Luật Giáo dục (1998) và Chương trình khung (2009) là bước ngoặt, khẳng định giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống. Thành tựu nổi bật là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2015, góp phần thực hiện sớm SDG 4.2- bảo đảm mọi trẻ được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và giáo dục mầm non có chất lượng.

Kết quả này khẳng định vai trò chiến lược của giáo dục mầm non trong phát triển nguồn nhân lực, đồng thời cho thấy chính sách đã góp phần thu hẹp bất bình đẳng giữa thành thị - nông thôn và các vùng miền. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chương trình hiện hành vẫn còn hạn chế: Nặng về cấu trúc nội dung, chưa đủ linh hoạt để đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ và điều kiện thực tiễn khác biệt giữa các cơ sở giáo dục. Đây là khoảng trống cần được giải quyết trong chương trình giáo dục mầm non mới sau 2025.

So với quốc tế, hướng tiếp cận của Việt Nam có nhiều điểm tương đồng. OECD (2017) và UNICEF (2023) đều khẳng định xu thế chuyển sang chương trình dựa trên năng lực, nhấn mạnh phát triển tình cảm - xã hội, công bằng và hòa nhập. Những định hướng này cũng được phản ánh trong thiết kế chương trình mới của Việt Nam, đặc biệt ở việc đề cao quyền trẻ em, tích hợp nội dung, sự tham gia của gia đình - cộng đồng và trao quyền cho giáo viên. Điều này cho thấy, Việt Nam đang tiệm cận các khuyến nghị quốc tế, mặc dù việc triển khai còn gặp thách thức do điều kiện cơ sở vật chất và năng lực đội ngũ chưa đồng đều.

Các kết quả của nghiên cứu này cũng tương đồng với những công bố trước đây. Phạm Thị Sửu và cộng sự (2006) khẳng định giáo dục mầm non đã chuyển

đổi từ chỗ “giữ trẻ tập thể” sang một cấp học có vị trí trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nguyễn Ánh Tuyết (2006) nhấn mạnh yêu cầu phát triển toàn diện trẻ em và sự cần thiết của cách tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm. Vũ Thị Thảo (2021) đã phân tích quá trình hội nhập quốc tế của giáo dục mầm non Việt Nam, cho thấy sự gần gũi với các khung định hướng của OECD và UNESCO. Điều này củng cố luận điểm rằng, chương trình sau 2025 cần tiếp tục đổi mới theo hướng năng lực, công bằng, hòa nhập, đồng thời giữ bản sắc văn hóa - xã hội Việt Nam. Sự chuyển đổi này phản ánh xu thế tất yếu của thời đại, gắn với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Để thành công, cần chuẩn bị nguồn lực về đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính và triển khai thí điểm ở nhiều bối cảnh để bảo đảm tính khả thi.

5. Kết luận

Bài viết đã góp phần cung cấp cái nhìn hệ thống về hơn 80 năm cải cách Chương trình Giáo dục mầm non của Việt Nam. Kết quả cho thấy, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt là việc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xây dựng chương trình khung 2009 theo định hướng lấy trẻ làm trung tâm và từng bước tiếp cận với các khuyến nghị quốc tế về phát triển toàn diện, công bằng và hòa nhập. Tuy vậy, vẫn còn hạn chế như chênh lệch vùng miền, tính hàn lâm trong nội dung và thiếu cá nhân hóa, cần khắc phục trong chương trình sau 2025.

Trong tương lai, Chương trình Giáo dục mầm non cần tiệm cận các tiêu chuẩn chung của khu vực và quốc tế về chất lượng, công bằng và hòa nhập. Để bảo đảm hiệu quả triển khai, cần đồng thời xây dựng khung chính sách, kế hoạch bồi dưỡng - phát triển chuyên môn và hệ thống hỗ trợ cho giáo viên. Bên cạnh đó, các nghiên cứu tiếp theo nên tập trung đánh giá tính phù hợp và tác động của chương trình thông qua thí điểm ở nhiều bối cảnh địa lý và giáo dục khác nhau nhằm xác định tính khả thi và gắn kết với thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- Australian Government Department of Education [AGDE] (2022). *Belonging, Being and Becoming: The Early Years Learning Framework for Australia (V2.0)*. Australian Government Department of Education for the Ministerial Council.
- Avramidis, E. & Kalyva, E. (2007). The influence of teaching experience and professional

development on Greek teachers' attitudes towards inclusion. *European Journal of Special Needs Education*, 22(4), pp.367-389. <https://doi.org/10.1080/08856250701649989>.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (1996). *Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về Định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kì công nghiệp*

- hóa, hiện đại hóa đất nước. (Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24 tháng 12 năm 1996). <https://chinhphu.vn/quan-ly-nha-nuoc-ve-khoa-hoc-cong-nghe/dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe-kh-cn-trong-thoi-ky-cong-nghiep-hoa-hien--2776>.
- Beacham, N. & Rouse, M. (2012). Student teachers' attitudes and beliefs about inclusion and inclusive practice. *Journal of Research in Special Educational Needs*, 12(1), pp.3–11. <https://doi.org/10.1111/j.1471-3802.2010.01194.x>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1994). *Quyết định số 1362/QĐ-GD&ĐT ngày 31 tháng 5 năm 1994 về việc Ban hành Chương trình chăm sóc – giáo dục mẫu giáo từ 3–6 tuổi*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1995). *Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ (chỉnh lí), Ban hành kèm theo Quyết định số 1006/GD-ĐT ngày 24 tháng 3 năm 1995*. NXB Giáo dục.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1995). *Niên giám thống kê giáo dục Việt Nam 1945–1995*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ Giáo dục Mầm non. (2023). *Báo cáo tổng kết năm học 2022–2023*. Hà Nội.
- Cook, B. G. (2001). A comparison of teachers' attitudes toward their included students with mild and severe disabilities. *The Journal of Special Education*, 34(4), pp.203–213. <https://doi.org/10.1177/002246690103400403>.
- Early Childhood Development Agency [ECDA]. (2023). *Early years development framework*. Government of Singapore.
- Hwang, Y. S. & Evans, D. (2011). Attitudes towards inclusion: Gaps between belief and practice. *International Journal of Special Education*, 26(1), pp.136–146.
- Irvine, A., Lupart, J., Loreman, T. & McGhie-Richmond, D. (2010). Educational leadership to create authentic inclusive schools: The experiences of principals in a Canadian rural school district. *Exceptionality Education International*, 20(2), pp.70–88. <https://doi.org/10.5206/eei.v20i2.7664>.
- Lê Thu Hương. (2006). Những điểm mới của chương trình giáo dục mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, (141), tr.14–17.
- Ministry of Education New Zealand. (2017). *Te Whāriki: Early childhood curriculum*. Ministry of Education.
- Nguyễn Hồng Thuận & Phan Thị Hương Giang (2023). Phát triển phẩm chất và năng lực cho trẻ mầm non theo các quan điểm giáo dục hiện đại. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(09). <https://doi.org/10.15625/2615-8957/1231090>.
- Nguyễn Ánh Tuyết. (2006). *Giáo dục mầm non: Lí luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Organization for Economic Cooperation and Development [OECD]. (2017). *Starting strong V: Transitions from early childhood education and care to primary education*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264276253-en>.
- Phạm Thị Sứ, Lê Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Ánh Tuyết, Đinh Hồng Thái và Hồ Thị Minh. (2006). *60 năm giáo dục mầm non Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Quốc hội. (1998). *Lập pháp năm 1998*. NXB Chính trị Quốc gia.
- UNESCO International Bureau of Education. (2008). *Inclusive education: The way of the future*. International Conference on Education, 48th, Geneva, Switzerland.
- UNICEF. (2023). *Early childhood development: UNICEF vision for every child*. UNICEF. <https://www.unicef.org/early-childhood-development>.
- UNICEF Việt Nam. (2018). *Báo cáo nghiên cứu: Chương trình giáo dục mầm non ở một số quốc gia trên thế giới và khuyến nghị cho xây dựng chương trình giáo dục mầm non ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2022). *Báo cáo phân tích ngành Giáo dục Việt Nam 2011–2020*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Vũ Thị Thảo. (2021). Early childhood education in Vietnam, history, and development. *International Journal of Child Care and Education Policy*, 15(1), 3. <https://doi.org/10.1186/s40723-020-00080-4>.
- WHO, UNICEF & World Bank. (2018). *Nurturing care for early childhood development: A framework for helping children survive and thrive to transform health and human potential*. World Health Organization.